

Số: **45** /TB-UBDT

Hà Nội, ngày **03** tháng **6** năm 2019

THÔNG BÁO

Danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 2)

Căn cứ khoản 1 Điều 3 Quyết định 1010/QĐ-TTg ngày 10/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn;

Trên cơ sở báo cáo, rà soát của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; căn cứ quy định tại Điều 1 Quyết định 1010/QĐ-TTg, Ủy ban Dân tộc thông báo Danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn đợt 2, gồm các tỉnh như sau:

1. Đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn mới được bổ sung gồm: 647 xã thuộc 81 huyện của 10 tỉnh: Bình Định, Bạc Liêu, Bình Thuận, Kiên Giang, Hà Giang, Lạng Sơn, Quảng Nam, Quảng Bình, Trà Vinh, Vĩnh Long.

2. Điều chỉnh, bổ sung danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn của 4 tỉnh: Bình Phước, Hà Tĩnh, Ninh Bình, Nghệ An.

3. Đối với các xã thuộc khu vực II (theo Quyết định 582/QĐ-TTg), xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo (theo Quyết định 131/QĐ-TTg) đạt chuẩn nông thôn mới được cấp có thẩm quyền công nhận sau thời điểm công bố danh mục đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản báo cáo về Ủy ban Dân tộc để kịp thời tổng hợp, cập nhật.

4. Danh sách chi tiết đơn vị hành chính cấp xã thuộc vùng khó khăn được công bố và cập nhật trên chuyên mục “Danh mục đơn vị hành chính cấp xã vùng khó khăn”, Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc (<http://cema.gov.vn>).

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Ủy ban Dân tộc để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận: 

- Bộ trưởng, CN UBND (để b/c);
- Các Thứ trưởng, PCN UB;
- Cổng thông tin điện tử UBND;
- Lưu: VT, CSDT (3b).

KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỨ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM



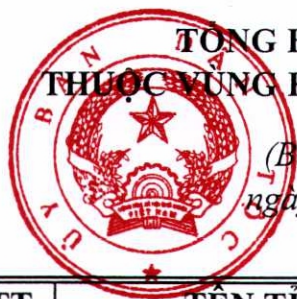


**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THUỘC VÙNG KHÓ KHĂN THEO ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ**

(Ban hành kèm theo Thông báo số **45**/TB-UBDT
ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN TỈNH	SỐ HUYỆN	SỐ XÃ
A	TỔNG CỘNG	401	3,498
B	CHI TIẾT CÁC TỈNH		
1	An Giang	5	27
2	Bà Rịa Vũng Tàu	2	7
3	Bắc Giang	8	106
4	Bắc Kạn	8	100
5	Bạc Liêu	5	28
6	Bình Định	8	54
7	Bình Phước	8	28
8	Bình Thuận	7	24
9	Cà Mau	8	35
10	Cần Thơ	1	1
11	Cao Bằng	13	180
12	Đắk Lắk	14	121
13	Đắk Nông	8	47
14	Điện Biên	9	108
15	Gia Lai	16	143
16	Hà Giang	10	165
17	Hà Nội	2	4
18	Hà Tĩnh	6	38
19	Hậu Giang	5	16
20	Hòa Bình	10	131
21	Kiên Giang	10	35
22	Kon Tum	10	72
23	Khánh Hòa	7	43
24	Lai Châu	7	77
25	Lâm Đồng	10	41

TT	TÊN TỈNH	SỐ HUYỆN	SỐ XÃ
26	Lạng Sơn	10	122
27	Lào Cai	8	114
28	Long An	7	21
29	Ninh Bình	3	18
30	Ninh Thuận	6	29
31	Nghệ An	16	170
32	Phú Thọ	9	145
33	Phú Yên	6	41
34	Quảng Bình	7	61
35	Quảng Nam	14	107
36	Quảng Ninh	7	32
37	Quảng Ngãi	13	91
38	Quảng Trị	8	50
39	Sóc Trăng	11	79
40	Son La	12	172
41	Tây Ninh	5	12
42	Tuyên Quang	6	102
43	Thái Nguyên	7	72
44	Thanh Hóa	20	196
45	Thừa Thiên Huế	8	57
46	Trà Vinh	7	48
47	Vĩnh Long	3	3
48	Vĩnh Phúc	2	2
49	Yên Bái	9	123



**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THUỘC VÙNG KHÓ KHĂN THEO ĐỊA BÀN TỈNH MỚI ĐƯỢC BỔ SUNG**

(Ban hành kèm theo Thông báo số **45** /TB-UBND
ngày **03** tháng **6** năm 2019 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN TỈNH	SỐ HUYỆN	SỐ XÃ
A	TỔNG CỘNG	81	647
B	CHI TIẾT CÁC TỈNH		
1	Bạc Liêu	5	28
2	Bình Định	8	54
3	Bình Thuận	7	24
4	Hà Giang	10	165
5	Kiên Giang	10	35
6	Lạng Sơn	10	122
7	Quảng Bình	7	61
8	Quảng Nam	14	107
9	Trà Vinh	7	48
10	Vĩnh Long	3	3

**TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
THUỘC VÙNG KHÓ KHĂN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
SỐ VỚI THÔNG BÁO SỐ 31/TB-UBND NGÀY 15/3/2019 CỦA ỦY BAN DÂN TỘC**



(Ban hành kèm theo Thông báo số **45**/TB-UBND
ngày **03** tháng **6** năm 2019 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN TỈNH	SỐ HUYỆN	SỐ XÃ	GHI CHÚ
A	TỔNG CỘNG	33	254	
B	CHI TIẾT CÁC TỈNH			
1	Bình Phước	8	28	Giảm 01 xã do đã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 31/12/2018
2	Hà Tĩnh	6	38	Giảm 49 xã do đã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 31/12/2018
3	Ninh Bình	3	18	Giảm 04 xã do đã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 31/12/2018
4	Nghệ An	16	170	Giảm 13 xã do đã đạt chuẩn nông thôn mới trước ngày 31/12/2018